TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 482/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-5-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
Bà Huỳnh Thị Ngọc Vi

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 588/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2016/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Diễm T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: 13/20 đường B, Khu phố N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D), sinh năm 1968.
Địa chỉ: MO 63011-3933., USA.

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11/10/2018 và Bản tự khai ngày 19/12/2018, nguyên đơn là bà Phạm Thị Diễm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) đăng ký kết hôn ngày 18/9/2017 tại Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) hứa hẹn bảo lãnh bà qua Mỹ. Sau khi ở Việt Nam được 01 tháng 07 ngày, ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) quay trở về Mỹ thì bà bị mất liên lạc với ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) một thời gian, sau đó ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) liên lạc lại với bà và báo cho bà biết rằng ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) không thể bảo lãnh bà qua Mỹ được, từ đó đến nay bà và ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) không còn liên lạc với nhau nữa. Do ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) không thể bảo lãnh bà qua Mỹ nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) để bà lấy chồng khác.

Về con chung: Bà khai giữa bà và ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà khai giữa bà và ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) không có tài sản chung và không có nợ chung.

Theo Đơn đồng ý ly hôn, xin không hòa giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt ngày 01/3/2019 đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Hiu-xtơn, Texas, Hoa Kỳ chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự, bị đơn là ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Diễm T tự nguyện kết hôn vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 141 ngày 18/09/2017 do Ủy ban nhân dân quận B cấp. Ông đã biết việc bà Phạm Thị Diễm T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, ông có hứa hẹn bảo lãnh cho bà Phạm Thị Diễm T nhưng vì ông bị bệnh không thể bảo lãnh cho bà Phạm Thị Diễm T được nên ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Diễm T.

Về con chung: Ông khai giữa ông và bà Phạm Thị Diễm T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông khai giữa ông và bà Phạm Thị Diễm T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Phạm Thị Diễm T và bị đơn là ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) đều có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 11/10/2018, bà Phạm Thị Diễm T có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho bà Phạm Thị Diễm T được ly hôn với ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D). Do ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Phạm Thị Diễm T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Phạm Thị Diễm T có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt theo Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/5/2019, đồng thời bị đơn là ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) cũng yêu cầu xin được xét xử vắng mặt theo Đơn đồng ý ly hôn, xin không hòa giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt ngày 01/3/2019 đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Hiu-xtơn, Texas, Hoa Kỳ chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Phạm Thị Diễm T và ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai ngày 19/12/2018 của bà Phạm Thị Diễm T và Đơn đồng ý ly hôn, xin không hòa giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt ngày 01/3/2019 của ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Hiu-xtơn, Texas, Hoa Kỳ chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa bà Phạm Thị Diễm T và ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Diễm T xin được ly hôn với ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D).

Về con chung: Bà Phạm Thị Diễm T và ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) đều khai không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Diễm T và ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) đều khai không có tài sản chung và không có nợ chung.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Diễm T là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Phạm Thị Diễm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Diễm T như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Diễm T và ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Diễm T và ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 141 ngày 18/9/2017 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2. Về con chung:

Bà Phạm Thị Diễm T và ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) đều khai không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Phạm Thị Diễm T và ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) đều khai không có tài sản chung và không có nợ chung.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Diễm T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Phạm Thị Diễm T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0045676 ngày 20/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Diễm T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Diễm T vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Phạm Thị Diễm T là 15 ngày, kể từ ngày bà Phạm Thị Diễm T được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng do ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) có ủy quyền cho bà Phạm Thị Diễm T nhận bản án thay ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Huynh Chi D (Huỳnh Chí D) là 01 tháng, kể từ ngày bà Phạm Thị Diễm T được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND quận B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh